

Số: **57**/QĐ-STC

Hà Nam, ngày **15** tháng **7** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam; Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở;

QUYẾT ĐỊNH

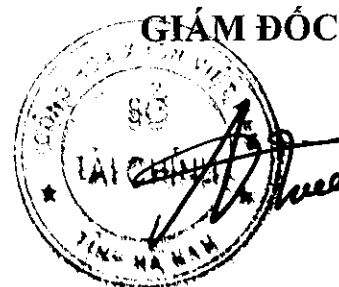
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở, Trưởng các đơn vị, phòng chuyên môn và toàn thể cán bộ, công chức, người lao động thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *VT, VP*

- Sở Nội vụ (Ban thi đua, khen thưởng);
- HĐTDKT Sở;
- Như điều 3
- Lưu: VT, VP.



Nguyễn Anh Tuấn

Hà Nam, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-STC ngày 15 tháng 7 năm 2019 của
Sở Tài chính tỉnh Hà Nam)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGUYÊN TẮC KHEN THƯỞNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam, bao gồm các nội dung sau: Đối tượng, nguyên tắc thi đua và căn cứ xét công nhận các danh hiệu thi đua; nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng; Tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; Các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thủ tục, hồ sơ xét đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Quỹ thi đua khen thưởng.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn thuộc sở.
2. Cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại Sở.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng gồm:
 - a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
 - b) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.
 - c) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.
 - d) Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.
 - e) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung, trường hợp quy định tuổi nghỉ

hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo đúng quy định chung.

2. Không xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một số các trường hợp sau:

a) Đối với tập thể:

- Không đăng ký thi đua đầu năm;
- Có thời gian thành lập, hoạt động dưới 12 tháng;
- Có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ mất đoàn kết, không chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Có vụ việc sai phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

b) Đối với cá nhân

- Không đăng ký thi đua đầu năm;
- Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên (*trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của Sở y tế*);

- Người đứng đầu (hoặc người được phân công phụ trách) cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra hoặc trực tiếp liên quan đến vụ việc tiêu cực tham nhũng, sai phạm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của đơn vị. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể. Kết thúc năm công tác phải tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian và gửi kế hoạch về Hội đồng Thi đua, khen thưởng (qua Sở Nội vụ).

Điều 5: Phát động thi đua

Lãnh đạo Sở căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp; các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên có trách nhiệm tuyên truyền, động viên và phối hợp để tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 6. Đăng ký thi đua

1. Tháng 2 hàng năm, các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở phải tổ chức cho tập thể và cá nhân đăng ký danh hiệu thi đua để phấn đấu và làm cơ sở bình xét cuối năm.

2. Bản đăng ký thi đua của các tập thể và cá nhân gửi về Bộ phận Thi đua, khen thưởng Sở (Văn phòng Sở) trước ngày 15 tháng 02 hàng năm để tổng hợp, theo dõi và làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua.

Điều 7: Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở được thành lập để thực hiện nhiệm vụ, tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng, Giám đốc Sở về công tác Thi đua, khen thưởng do Giám đốc Sở quyết định thành lập.

2. Nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về nhiệm vụ được phân công.

3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu phát động phong trào thi đua.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; Tham mưu sơ kết, tổng kết công tác Thi đua, khen thưởng.

c) Tham mưu kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng.

d) Tham mưu xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

e) Được Giám đốc Sở xem xét, khen thưởng nếu có đóng góp tích cực vào phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị.

Điều 8. Hội đồng sáng kiến Sở.

1. Hội đồng sáng kiến Sở do Giám đốc Sở thành lập. Thành phần cơ cấu của Hội đồng sáng kiến gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan. Trường hợp cần thiết mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến để tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn giúp Giám đốc Sở về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến của Sở và công nhận sáng kiến có ảnh hưởng đối với việc nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động, nhiệm vụ công tác, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh cơ quan.

Điều 9. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm:

a) Lao động tiên tiến

b) Chiến sĩ thi đua cơ sở

c) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc
- 2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:
 - a) Tập thể lao động tiên tiến
 - b) Tập thể lao động xuất sắc
 - c) Cờ thi đua của UBND tỉnh Hà Nam
 - d) Cờ thi đua của Chính phủ

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;
- e) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó *(nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu)*.

2. Các trường hợp được xem xét khen thưởng:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ Sở Y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến. *(trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ)*.

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

3. Không xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, chiến sĩ tiên tiến đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

4. Căn cứ vào kết quả các phong trào thi đua, Giám đốc Sở quy định tỷ lệ cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong đơn vị.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng vào dịp tổng kết năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận;

c) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở giúp Giám đốc Sở xem xét, công nhận.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Các trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở:

Cá nhân là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc là thành viên đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, xét duyệt, bảo vệ, ứng dụng, được tặng “Bằng Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và tương đương; là tác giả hoặc đồng tác giả của các Giải thưởng Nhà nước.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn tỉnh do Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

c. Tỷ lệ phiếu đồng ý đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp cơ sở và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh. (Nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì xin ý kiến bằng văn bản)

2. Các trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam:

Cá nhân có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, xét duyệt, bảo vệ, ứng dụng; được tặng “Bằng Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tương đương;

3. Thời điểm đề nghị xét công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” là năm thứ 3 cá nhân đó đạt được danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam”

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

c) Tỷ lệ phiếu đồng ý đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp cơ sở và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh. (Nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì xin ý kiến bằng văn bản)

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

e) Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng Sở (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Căn cứ vào kết quả các phong trào thi đua, Giám đốc Sở quy định tỷ lệ cá nhân đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trong đơn vị.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

e) Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm: Các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua của tỉnh giao và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc, có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;

b) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

c) Được bình xét, đánh giá thông qua các khối thi đua.

d) Tỷ lệ phiếu bầu: đạt từ 2/3 thành viên trong khối thi đua nhất trí suy tôn; đạt từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng cấp cơ sở và Hội đồng cấp tỉnh đồng ý.

Điều 17. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là đơn vị xuất sắc tiêu biểu dẫn đầu các khối thi đua của tỉnh, đạt tỷ lệ phiếu bầu của thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh từ 90% trở lên.

b) Tổng số đơn vị được xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ không vượt quá 20% tổng số đơn vị được xét đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh.

Chương III

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG; HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Các loại hình thức khen thưởng

1. Giấy khen của Giám đốc Sở

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

4. Huân chương, Huy chương...

5. Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”...

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tỷ lệ tập thể, cá nhân được tặng Giấy khen đối với khen thưởng tổng kết hàng năm do đơn vị quy định.

4. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

a) Đối với cá nhân

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Đối với tập thể

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

2. Khen thưởng theo chuyên đề:

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp lao động sản xuất và đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chuyên đề thi đua do UBND tỉnh phát động và quy định; do các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị phát động và quy định trong Tiêu chí thi đua, khen thưởng cho phù hợp với mỗi chuyên đề.

Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiết, nội dung, giải pháp, thời gian và đăng ký với Hội đồng thi đua khen thưởng Sở.

Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo Sở thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền, trường hợp đặc biệt xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

Trường hợp các đơn vị, phòng chuyên môn không đăng ký thi đua theo chuyên đề (theo đợt) với Hội đồng thi đua khen thưởng Sở và không xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian thì không được đề nghị UBND tỉnh xem xét khen thưởng.

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) cấp quốc gia, quốc tế và khu vực.

b) Tập thể, gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đầu tư và thu hút đầu tư

d) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

e) Một số trường hợp đặc biệt khác do Sở Nội vụ và các tập thể, cá nhân phát hiện, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 21. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Đối với cá nhân

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng giấy khen trở lên.

2. Đối với tập thể

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 22. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước khác

1. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Đối với khen thưởng của Bộ Tài chính thực hiện theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hàng năm và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm

vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuân tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen của lần sau.

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, ngày thành lập, ngày truyền thống (*năm chẵn, năm tròn*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

Chương IV **XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN**

Điều 23. Xếp loại chất lượng các tập thể, cá nhân

Xếp loại chất lượng theo 4 mức sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có số điểm thi đua đạt từ 90 điểm trở lên, có nhiều thành tích nổi bật, khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; Các tiêu chí đánh giá đều đạt “Tốt” trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt “Xuất sắc” với các sản phẩm cụ thể lượng hóa được (nếu có).

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.

Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có điểm thi đua đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm; các tiêu chí đều được đánh giá đạt “Trung bình” trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt “Tốt” trở lên.

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có số điểm thi đua đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm; các tiêu chí cơ bản được đánh giá đạt “Trung bình” trở lên.

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có số điểm thi đua đạt dưới 50 điểm; các tiêu chí đánh giá đều ở mức “Kém” hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị
- Có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ, việc tham ô, tham nhũng và các vi phạm khác bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).
 - Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm, các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100% (trừ trường hợp bất khả kháng).
 - Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm.
- b) Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý
- Bị cấp có thẩm quyền đánh giá mất đoàn kết nội bộ; có thành viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.
 - Địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm, các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100% (trừ trường hợp bất khả kháng).
 - Bị xử lý kỷ luật hoặc có thành viên bị kỷ luật trong năm
- c) Đối với cá nhân
- Bị cấp có thẩm quyền đánh giá có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.
 - Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, không hoàn thành 100% chỉ tiêu quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm.
 - Bị xử lý kỷ luật trong năm.
 - Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”, hoặc cơ quan đơn vị cá nhân thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp của mình liên quan đến tham ô, tham nhũng và bị xử lý kỷ luật theo quy định (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến, giấy khen thực hiện như sau:

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến, chiến sỹ tiên tiến, tập thể lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến và giấy khen.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng cho lực lượng vũ trang địa phương

và danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam (*trừ các cá nhân thuộc các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh*)

Điều 25. Quy định về hồ sơ, thủ tục

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị (02 bản);

b) Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng; biên bản kiểm phiếu của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Sở (*Đối với tập thể, cá nhân đề nghị các danh hiệu thi đua*) 02 bản.

c) Báo cáo thành tích (*theo mẫu quy định*) của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có dấu giáp lai và xác nhận của cấp đề nghị khen thưởng; Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định.

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 báo cáo thành tích;

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ 04 báo cáo thành tích (đối với khen thưởng đối ngoại, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có yếu tố tôn giáo: 08 báo cáo) có gửi file điện tử đính kèm;

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: 05 báo cáo thành tích đối với khen thưởng đối ngoại, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có yếu tố tôn giáo: 10 báo cáo) có gửi file điện tử đính kèm;

d) Trong trường hợp báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân chưa rõ ràng thành tích, Sở Nội vụ đề nghị đơn vị trình khen cung cấp các tài liệu kiểm chứng.

Điều 26. Tuyến trình khen thưởng.

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 27: Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua khen thưởng là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua khen thưởng. Số lượng cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị quyết định.

2. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị phân công. Các thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng về nhiệm vụ được phân công.

3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng có quyền hạn:

- Được cung cấp các tài liệu về thi đua, khen thưởng;

- Được Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng xem xét, khen thưởng nếu có đóng góp tích cực vào phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị.

- Được hỗ trợ kinh phí hoạt động: Thành viên Hội đồng thi đua, Khen thưởng Sở được hỗ trợ 0,5 lần mức lương tối thiểu/ 1 thành viên/năm. Nguồn kinh phí hỗ trợ được trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị.

4. Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở có Quy chế, Kế hoạch hoạt động.

5. Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở là Văn phòng.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28 Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Lập quỹ Thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ Thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm Sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 29 Nguồn và mức trích quỹ

Quỹ thi đua khen thưởng của Sở được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

Điều 30. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung).;

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến, nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các điều 69,70,71,72,73 và Điều 74 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 31. Các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trưởng các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể trong cơ quan duy trì thường xuyên các phong trào thi đua trong đơn vị. Phát hiện kịp thời các đối tượng có thành tích xuất sắc để đề nghị khen thưởng.

Những nội dung nào không quy định trong quy chế này thì thực hiện theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Hà Nam và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ.

Văn phòng có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở thực hiện đúng quy chế này. Trong quá trình thực hiện, tùy theo tình hình thực tế hoặc yêu cầu công tác, Quy chế này có thể được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.